

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 101/SPS-BNNPTNT
V/v Chi dẫn đăng ký doanh nghiệp sản
xuất thực phẩm xuất khẩu vào Trung Quốc
đáp ứng quy định Lệnh 248

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2022

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các Sở: Nông nghiệp và PTNT; Công Thương tỉnh/thành phố;
- Hiệp hội tiêu, điều, cà phê, sắn, rau quả;
- Doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu thực phẩm sang Trung Quốc.

Nhằm đáp ứng quy định của Lệnh số 248 của Tổng cục Hải quan Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về Quản lý đăng ký doanh nghiệp nước ngoài sản xuất thực phẩm nhập khẩu vào Trung Quốc, kể từ ngày 01/01/2022, doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nước ngoài xuất khẩu vào Cộng hòa nhân dân Trung Hoa phải thực hiện đăng ký doanh nghiệp trên “Hệ thống quản lý đăng ký doanh nghiệp sản xuất nước ngoài nhập khẩu thực phẩm” (gọi tắt là “Hệ thống đăng ký”) tại đường link trực tuyến trên website <https://singlewindow.cn> như sau:

1. Phạm vi áp dụng

a. Loại sản phẩm: sản phẩm làm thực phẩm;

b. Loại hình doanh nghiệp: là đơn vị sản xuất, chế biến và bảo quản (kho thường, kho lạnh) thực phẩm xuất khẩu vào Trung Quốc (không bao gồm doanh nghiệp sản xuất, chế biến, bảo quản phụ gia thực phẩm và các sản phẩm liên quan đến thực phẩm)

PP – Doanh nghiệp sản xuất/chế biến;

CS – Doanh nghiệp kho lạnh;

DS – Doanh nghiệp kho thường.

2. Phạm vi đăng ký và Cơ quan thẩm quyền đăng ký của Việt Nam¹

2.1 Nhóm sản phẩm thực phẩm thuộc danh mục 18 loại thuộc thẩm quyền đăng ký của cơ quan chức năng Việt Nam gồm:

¹ Thẩm quyền quản lý an toàn thực phẩm của các cơ quan có thẩm quyền Việt Nam căn cứ theo quy định tại phụ lục II, III và IV của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ và điều 23 của Nghị định này.

TT	Phạm vi đăng ký	Cơ quan có thẩm quyền
1.	Thực phẩm có nguồn gốc thực vật <i>Chi tiết xem tại link tham khảo tài liệu tại mục 5 và công văn đính kèm</i>	Cục Bảo vệ thực vật Bộ NN&PTNT (Phòng An toàn thực phẩm và Môi trường) - Địa chỉ: 149 Hồ Đắc Di, Đống Đa, Hà Nội. - Điện thoại: 024.3533.4036/024.3537.9743 - Email qlattpmt.bvtv@mard.gov.vn - Website: https://www.ppd.gov.vn
2	Thực phẩm có nguồn gốc động vật <i>Sữa và sản phẩm từ sữa; Thịt và các sản phẩm từ thịt; vỏ ruột, yến sào và sản phẩm từ tổ yến, sản phẩm từ ong, trứng và sản phẩm từ trứng</i>	Cục Thú Y Bộ NN&PTNT (Phòng Hợp tác Quốc tế và truyền thông) - Điện thoại: 024.3869.3605; - Email: htqt.dahvn@gmail.com - Website: http://cucthuy.gov.vn
3	Thực phẩm có nguồn gốc thủy hải sản gồm <i>Theo danh mục loài (48 loài) và loại sản phẩm (128 loại) được công bố của Hải quan Trung Quốc (tham khảo đường link tài liệu tại mục 5 và công văn đính kèm)</i>	Cục Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản - Bộ NN&PTNT (Phòng Chất lượng thủy sản 1) - Điện thoại: 024.3831.0983 - E-mail: nafiqad@mard.gov.vn ; cctb.nafi@mard.gov.vn ; ccnb.nafi@mard.gov.vn - Website: www.nafiqad.gov.vn
4	Thực phẩm gồm <i>Chất béo và dầu thực vật, Thực phẩm chế biến hỗn hợp từ bột mì (bánh có nhân), thực phẩm từ ngũ cốc, sản phẩm công nghiệp xay xát ngũ cốc và mạch nha</i>	Vụ Khoa học và Công nghệ - Bộ Công Thương - Địa chỉ: Số 54, Hai Bà Trưng, Hà Nội - Đầu mối: Ông Nguyễn Mạnh Thắng. - Điện thoại: 024.222.02412; Email: ThangNgM@moit.gov.vn
5	Thực phẩm dinh dưỡng đặc biệt và thực phẩm chức năng	Cục An toàn thực phẩm, Bộ Y tế (Phòng Pháp chế - Thanh tra) - Địa chỉ: Ngõ 135 Núi Trúc, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội - Điện thoại: 024.38464489-024.38463702; - Email: vfa@vfa.gov.vn - Phụ trách Nguyễn Thuỳ Dương (ĐT: 0904544122, Email: thuyduongvfa@gmail.com)

2.2 Nhóm sản phẩm không phải đăng ký qua cơ quan chức năng Việt Nam

Doanh nghiệp sản xuất thực phẩm không thuộc nhóm 18 mặt hàng đã nêu tại mục 2.1 của công văn này thì trực tiếp đăng ký hoặc ủy quyền cho đại lý thực hiện đăng ký theo quy định tại điều 9 của Lệnh 248 Tổng cục Hải quan Trung Quốc trực tuyến trên website <https://singlewindow.cn>

3. Doanh nghiệp thương mại hoặc đại lý xuất khẩu thực phẩm

Doanh nghiệp thương mại hoặc đại lý xuất khẩu thực phẩm thì không đăng ký theo quy định tại Lệnh 248 mà cung cấp thông tin đăng ký qua hệ thống quản lý hồ sơ và nộp đơn đăng ký tại website <http://ire.customs.gov.cn/>. Sau khi gửi thông tin đăng ký, doanh nghiệp thương mại hoặc đại lý xuất khẩu thực phẩm sẽ nhận được số series do hệ thống quản lý hồ sơ cung cấp. Doanh nghiệp có thể sử dụng số series này để kiểm tra quy trình nộp hồ sơ đăng ký và sửa đổi thông tin nộp hồ sơ đăng ký. Tổng cục Hải quan Trung Quốc sẽ lưu hồ sơ của các doanh nghiệp thương mại hoặc đại lý xuất khẩu và công bố danh sách trên website của Tổng cục Hải quan Trung Quốc. Thông tin được công bố sẽ bao gồm hoạt động kinh doanh, tên doanh nghiệp thương mại hoặc đại lý xuất khẩu, quốc gia (khu vực).

4. Phương thức đăng ký tài khoản và hồ sơ :

4.1 Tài khoản

a. Nếu là doanh nghiệp tự đăng ký tài khoản: doanh nghiệp có thể tự thực hiện mở tài khoản trên hệ thống <https://singlewindow.cn> và sau đó gửi đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền quản lý xác nhận tài khoản, sau khi tài khoản được xác nhận bởi cơ quan có thẩm quyền là hoàn thành việc đăng ký tài khoản;

b. Nếu là đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp tài khoản: doanh nghiệp gửi đề nghị tới cơ quan có thẩm quyền (*theo hướng dẫn chi tiết của cơ quan quản lý trực tiếp, xem trong các phụ lục kèm theo*), tài khoản do cơ quan có thẩm quyền cấp cho doanh nghiệp không phải thực hiện bước xác nhận tài khoản (như điểm a nêu trên);

c. Đối với các doanh nghiệp nhiều nhóm sản phẩm, thuộc và không thuộc 18 nhóm mặt hàng đã nêu tại mục 1 thì khuyến nghị tài khoản doanh nghiệp nên được cấp bởi cơ quan chức năng quản lý có thẩm quyền ngay từ đầu.

4.2 Sản phẩm đăng ký xuất khẩu

a. Doanh nghiệp thực hiện các thao tác đăng ký sản phẩm xuất khẩu sau khi đăng ký tài khoản thành công (hướng dẫn có thể tham khảo bản gốc trên hệ thống trực tuyến và tài liệu hướng dẫn dành cho doanh nghiệp tại phụ lục 3 kèm theo)

b. Lưu ý: để phân loại hồ đăng ký xuất khẩu, doanh nghiệp cần xác định mã Hs Code của sản phẩm đăng ký xuất khẩu, có thể tra cứu trên tính năng "Product

type query” để biết về phân loại hồ sơ đối với mặt hàng dự kiến đăng ký xuất khẩu. Đối với sản phẩm được ghi chú “Yes” đối với yêu cầu “Official recommendation”, hồ sơ cần phải đăng ký thông qua Cơ quan có thẩm quyền nước (khu vực).

4.3 Hoàn thiện hồ sơ trên hệ thống đăng ký online

Yêu cầu này chỉ áp dụng đối với Doanh nghiệp đã được cấp mã (theo hồ sơ đăng ký nhanh tại thời điểm trước ngày 31/10/2021) phải liên hệ cơ quan chức năng có thẩm quyền quản lý để hoàn thiện hồ sơ đáp ứng quy định của Lệnh 248 trước thời điểm 30/06/2023, trước đó đã đăng ký nhanh tại cơ quan nào thì liên hệ theo cơ quan đó để được hướng dẫn thủ tục.

Đối với các trường hợp đăng ký online trên hệ thống đăng ký <https://singlewindow.cn> từ ngày 01/01/2022 thì hồ sơ đã được thực hiện theo quy định tại điều 8 của Lệnh 248 nên không phải thực hiện việc hoàn thiện hồ sơ như trường hợp đăng ký nhanh.

5. Tra cứu thông tin và tài liệu hướng dẫn:

- Tra cứu thông tin chung tại: <http://www.spsvietnam.gov.vn/huong-dan-thu-tuc-va-dau-moi-dang-ky-doanh-nghiep-san-xuat-thuc-pham-xuat-khau-va-trung-quoc>

- Tài liệu hướng dẫn dành cho doanh nghiệp trên hệ thống đăng ký một cửa của Hải quan Trung Quốc: <http://www.nafiqad.gov.vn/Portals/0/DOCUMENTS/CL%201/Ban%20dich%20H%C6%B0%E1%BB%9Bng%20d%E1%BA%ABn%20s%E1%BB%AD%20d%E1%BB%A5ng%20Ti%E1%BA%BFng%20Vi%E1%BB%87t.pdf>

- Thực phẩm có nguồn gốc thực vật: <https://www.ppd.gov.vn/chi-dao-dieu-hanh-91/cap-nhat-mot-so-noi-dung-dang-ky-xuat-khau-thuc-pham-co-nguon-goc-thuc-vat-nhap-khau-theo-lenh-248-cua-trung-quoc.html>

- Thực phẩm có nguồn gốc thủy, hải sản: http://www.nafiqad.gov.vn/quy-dinh-cua-trung-quoc-cap-nhat-lenh-248-249-thay-the-lenh-145-ve-dang-ky-cong-nhan-va-quan-ly-co-so-san-xuat-che-bien-dong-goi-van-chuyen-thuc-pham-nuoc-ngoai-cap-nhat-tai-lieu-huong-dan-dang-ky-su_t221c313n334

- Và hướng dẫn đăng ký tại: <http://www.nafiqad.gov.vn/Portals/0/DOCUMENTS/CV%201591-cl1%20huong%20dan%20thuc%20hien%20Lenh%20248-249.pdf>

- Thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng đặc biệt: Thông báo các quy định mới của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về “Các Quy định Quản lý đăng lý doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nước ngoài nhập khẩu vào Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa” (vfa.gov.vn).

6. Xử lý vướng mắc

a. Cơ quan chức năng có thẩm quyền: Trong quá trình thực hiện, doanh nghiệp liên hệ trực tiếp các đầu mối đăng ký của Cơ quan chức năng có thẩm quyền đã công bố tại mục 1 để được xử lý giải quyết thắc mắc về tài khoản; hồ sơ đăng ký sản phẩm xuất khẩu và các vướng mắc khác liên quan đến sản phẩm xuất khẩu thuộc thẩm quyền quản lý của các cơ quan này.

b. Văn phòng SPS Việt Nam: là cơ quan đầu mối giải đáp thông tin chung về quy định của Lệnh 248 & Lệnh 249 (Thông tin liên hệ: Văn phòng SPS Việt Nam, Tòa nhà A3, Số 10 đường Nguyễn Công Hoan, Hà Nội, Việt Nam, điện thoại 024.3734.4764, Email: spsvietnam@mard.gov.vn).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (đề b/c);
- Bộ trưởng (đề b/c);
- Thứ trưởng Trần Thanh Nam (đề b/c);
- Cục: QLCL NLS (QLCL1);
- Cục BVTV (ATTP&MT);
- Cục Thú y (HTQT&TT);
- Bộ Công Thương (Vụ KHCN);
- Bộ Y tế (Cục ATTP);
- Lưu: Vt.

GIÁM ĐỐC



Lê Thanh Hòa

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 953 /BVTV-ATTPMT

Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2022

V/v cập nhật một số nội dung đăng ký
xuất khẩu thực phẩm có nguồn gốc thực
vật theo Lệnh 248 của Trung Quốc

Kính gửi: Các Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh/thành
Các Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật cấp tỉnh/thành
Các Doanh nghiệp xuất khẩu nông sản sang Trung Quốc
Các tổ chức, cá nhân liên quan

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm và Công văn số 221/SPS-BNNVN ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Văn phòng thông báo và điềm hỏi đáp quốc gia về vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động thực vật Việt Nam về việc đề nghị triển khai gấp việc đăng ký doanh nghiệp sản xuất thực phẩm xuất khẩu vào Trung Quốc, Cục Bảo vệ thực vật (BVTV) cập nhật hướng dẫn mới cho doanh nghiệp sản xuất thực phẩm có nguồn gốc thực vật thực hiện đăng ký xuất khẩu vào Trung Quốc theo Lệnh 248 của Tổng cục Hải quan Trung Quốc (GACC) như sau:

1. Phạm vi đăng ký xuất khẩu qua Trung Quốc được Cục BVTV giới thiệu

1.1. Thực phẩm có nguồn gốc thực vật đăng ký xuất khẩu sang Trung Quốc

- *Ngũ cốc dùng làm thực phẩm*: đề cập đến các sản phẩm từ hạt, rễ và củ của cây trồng như ngũ cốc và khoai, chủ yếu bao gồm các sản phẩm ăn được từ hạt của các loại cây thân thảo sau khi chế biến thô, chẳng hạn như gạo, yến mạch và cao lương;

- *Sản phẩm bột ngũ cốc*: dùng để chỉ các sản phẩm dạng bột mịn được làm từ việc nghiền và lọc hạt hoặc rễ, củ các loại cây trồng như trái cây, quả hạch, ... thành bột ăn được (trừ các sản phẩm theo phạm vi quản lý của Bộ Công thương – ngũ cốc, khoai như bột mì hoặc bột meslin, bột ngũ cốc, ngô, khoai, sắn, inulin, gluten ...);

- *Các loại rau tươi, rau tách nước và đậu khô*: các loại rau tươi hoặc các sản phẩm rau khô được chế biến bằng cách giữ tươi, khử nước, sấy khô và các quá trình sấy khô khác và đậu khô;

- *Gia vị nguồn gốc tự nhiên*: chỉ các sản phẩm thực vật tự nhiên như quả, hạt, hoa, rễ, thân, lá, vỏ hoặc toàn cây, có thể được sử dụng trực tiếp với các chức năng làm thơm, tạo mùi và gia vị;

- *Quả hạch và các loại hạt*: quả hạch dùng để chỉ hạt của cây thân gỗ có vỏ cứng, bao gồm quả óc chó, hạt dẻ, hạt mơ, hạt hạnh nhân, quả hồ đào, hạt dẻ cười, hạt torreyia grandis, hạt mắc-ca và hạt thông, ... Hạt dùng để chỉ hạt của các loại thực vật như dừa, quả, rau bao gồm cả hạt dừa hấu và hạt bí ngô;

- *Trái cây đông lạnh*;

- *Trái cây khô*: dùng để chỉ các sản phẩm trái cây tươi được sấy khô bằng quá trình phơi nắng, sấy khô và các quá trình khử nước khác;

- *Hạt cà phê và cacao chưa rang*.

1.2 Loại hình Doanh nghiệp đăng ký xuất khẩu sang Trung Quốc

PP – Doanh nghiệp sản xuất/chế biến

CS – Doanh nghiệp kho lạnh

DS – Doanh nghiệp kho thường

Lưu ý: Doanh nghiệp thương mại hoặc đại lý xuất khẩu thực phẩm không đăng ký theo hướng dẫn này (không theo Lệnh 248). Doanh nghiệp sẽ cung cấp thông tin qua hệ thống quản lý hồ sơ đăng ký và nộp đơn đăng tại website <http://ire.customs.gov.cn/>. Nếu có vướng mắc, vui lòng liên hệ Văn phòng SPS Việt Nam, địa chỉ: số 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội; điện thoại: 024.32444150, 024-37344764; email: spsvietnam@mard.gov.vn

2. Thực hiện đăng ký xuất khẩu sang Trung Quốc trên Hệ thống đăng ký trực tuyến <https://cifer.singlewindow.cn> của GACC (gọi tắt là CIPHER)

Bước 1: Doanh nghiệp đề nghị cấp/xác nhận tài khoản

Cấp tài khoản: đối với các doanh nghiệp chưa có tài khoản trên CIPHER

Xác nhận tài khoản: đối với các doanh nghiệp được cấp nhưng chưa xác nhận hoặc tự mở tài khoản trên CIPHER

Doanh nghiệp gửi thông tin đề cấp/xác nhận tài khoản về Cục BVTV qua email gồm:

- Đơn đề nghị cấp tài khoản theo Mẫu số 01 của công văn này (dạng file word và pdf)

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp (dạng file pdf)

Trong trường hợp địa chỉ đăng ký khác với địa chỉ trên giấy đăng ký kinh doanh: doanh nghiệp cung cấp thêm các giấy tờ liên quan để làm rõ.

Lưu ý: Doanh nghiệp kiểm tra kỹ thông tin đăng ký. Thông tin cung cấp phải chính xác theo giấy tờ hợp lệ. Khi tài khoản được tạo thành công, không thể sửa đổi thông tin tên người dùng, quốc gia/ khu vực đặt tài khoản và số đăng ký tại quốc gia/ khu vực.

Bước 2: Cục BVTV cấp/xác nhận tài khoản

Cục BVTV thực hiện việc cấp/xác nhận tài khoản cho doanh nghiệp trên CIPHER và thông báo cho doanh nghiệp để cập nhật thông tin về tài khoản.

Bước 3: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký/ thay đổi thông tin đăng ký trên CIPHER

Doanh nghiệp sử dụng tài khoản đã được cấp/xác nhận để đăng ký xuất khẩu trên CIPHER các mặt hàng trong phạm vi nêu tại mục 1.1 của hướng dẫn này. Mỗi một dòng hàng (có thể gồm 1 hoặc nhiều mặt hàng) là 1 lần đăng ký.

Doanh nghiệp chuẩn bị Giấy tờ bắt buộc theo yêu cầu của GACC để đính kèm lên CIPHER như sau:

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
2. Bản cam kết của doanh nghiệp theo Mẫu số 02 của công văn này;
3. Sơ đồ/quy trình sản xuất (bao gồm các điểm kiểm soát tới hạn-CCP và các biện pháp kiểm soát mỗi nguy đang được thực hiện);

4. Một trong các loại giấy sau cho Cục BVTV để phục vụ việc xác nhận cho doanh nghiệp:

- Giấy chứng nhận Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP).
- Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000.
- Giấy chứng nhận Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS).
- Giấy chứng nhận Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC).
- Giấy chứng nhận Hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000).
- Giấy chứng nhận Thực hành sản xuất tốt (GMP).
- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm quy định tại Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT.
- Bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT.
- hoặc loại giấy chứng nhận tương đương.

Trường hợp thay đổi thông tin đăng ký (Điều 19, Lệnh 248), doanh nghiệp phải cung cấp cho GACC:

1. Bảng đối chiếu thông tin thay đổi;
2. Các tài liệu chứng minh liên quan đến thông tin thay đổi

Nếu chuyển địa điểm sản xuất, thay đổi người đại diện theo pháp luật hoặc thay đổi số đăng ký do quốc gia cấp thì phải tiến hành đăng ký mới lại và số đã đăng ký tại Trung Quốc sẽ tự động hết hiệu lực.

Các thao tác đăng ký trên CIFER được hướng dẫn cụ thể trong tài liệu hướng dẫn sử dụng “Single Window User Manual” của GACC (*kèm theo công văn này*).

Các giấy tờ đưa lên CIFER phải soạn bằng tiếng Anh hoặc tiếng Trung, nếu là tài liệu gốc thì cần cung cấp bản dịch tiếng Anh/ tiếng Trung và được ký tên, đóng dấu theo quy định.

Bước 4: Cục BVTV gửi thông báo chuẩn bị hồ sơ cho doanh nghiệp

Sau khi nhận được thông tin đăng ký của doanh nghiệp, CIFER tự động thông báo danh mục các điều kiện và điểm chính để xem xét, kiểm tra đối với đăng ký của doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nước. Cục BVTV gửi thông báo kèm theo danh mục này cho doanh nghiệp qua email đăng ký trên CIFER để doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo yêu cầu của GACC và thông báo của Cục BVTV.

Bước 5: Nộp hồ sơ chính thức

Doanh nghiệp chuẩn bị 01 bộ hồ sơ bản giấy và 01 bộ hồ sơ bản mềm (thành phần hồ sơ nêu tại ***Bước 3*** và ***Bước 4***) theo yêu cầu của GACC.

- Bản mềm dạng file pdf gửi Cục BVTV qua email qlattpmt.bvtv@mard.gov.vn
- Bản hồ sơ giấy gửi qua đường bưu điện đến địa chỉ: Cục Bảo vệ thực vật (Phòng An toàn thực phẩm và Môi trường). Địa chỉ: 149 Hồ Đắc Di, Đống Đa, Hà Nội.

Hồ sơ được tiếp nhận chính thức khi Cục BVTV nhận được hồ sơ gửi qua đường bưu điện.

Bước 6. Xác nhận của Cục BVTV

Cục BVTV đối chiếu hồ sơ của doanh nghiệp với yêu cầu của GACC:

- Nếu thông tin khai báo trên CIFER và hồ sơ của của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu của GACC, Cục BVTV xác nhận và chuyển hồ sơ của doanh nghiệp sang GACC.
- Nếu thông tin khai báo trên CIFER và hồ sơ cần bổ sung, Cục BVTV thông báo cho doanh nghiệp qua email đăng ký trên hệ thống.

Bước 7: Đánh giá của GACC

GACC đánh giá, rà soát hồ sơ nộp qua CIFER, có thể tổ chức đoàn đánh giá và các hình thức khác hoặc kết hợp để cấp mã số đăng ký xuất khẩu cho các doanh nghiệp Việt Nam. Kết quả cuối cùng được GACC thông báo trên CIFER

Doanh nghiệp cập nhật tình trạng xét duyệt hồ sơ và tra cứu kết quả trên CIFER bằng tài khoản doanh nghiệp.

3. Khuyến nghị:

- Để đáp ứng được các điều kiện đăng ký xuất khẩu vào Trung Quốc, doanh nghiệp cần thiết lập hệ thống quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm theo nguyên tắc HACCP (mục 3, Điều 5, Lệnh 248).
- Danh sách các loại sinh vật gây hại Trung Quốc quan tâm và các hàng hóa có ký kết thỏa thuận, Nghị định thư xuất khẩu, hiệp định với Trung Quốc tại đường link: <https://bit.ly/3JzYIqe>
- Các thông tin mới nhất được cập nhật tại website của Cục BVTV <https://www.ppd.gov.vn/an-toan-thuc-pham-va-moi-truong.html>.
- Trong quá trình thực hiện đăng ký xuất khẩu thực phẩm nguồn gốc thực vật sang Trung Quốc theo Lệnh 248, nếu có vướng mắc vui lòng liên hệ:

Phòng An toàn thực phẩm và Môi trường (Cục Bảo vệ thực vật). Điện thoại: 024.3533.4036. Email: qlattpmt.bvtv@mard.gov.vn.

Để tìm hiểu yêu cầu về kiểm dịch thực vật của Trung Quốc liên hệ: Phòng Hợp tác quốc tế và Truyền thông (Cục Bảo vệ thực vật). Điện thoại: 024.3857.0754. Email: htqt.bvtv@mard.gov.vn.

Công văn này thay thế Công văn số 175/BVTV-ATTPMT ngày 20/01/2022 hướng dẫn Doanh nghiệp sản xuất thực phẩm có nguồn gốc thực vật thực hiện đăng ký xuất khẩu vào Trung Quốc.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT. Trần Thanh Nam (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- VP SPS VN (để phối hợp);
- Lưu: VT, ATTPMT.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Huỳnh Tấn Đạt

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/XÁC NHẬN TÀI KHOẢN
ĐĂNG KÝ XUẤT KHẨU SANG TRUNG QUỐC

Kính gửi: Cục Bảo vệ thực vật

1. Tên cơ sở sản xuất

Tên tiếng Việt:

Tên tiếng Anh:

2. Địa chỉ nơi đặt trụ sở

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

3. Địa chỉ cơ sở sản xuất

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

4. Số giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập:

5. Tên người đại diện hợp pháp:

Điện thoại: Fax: Email:

6. Tên người liên lạc:

Điện thoại: Fax: Email:

7. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh xuất khẩu sang Trung Quốc:

.....
.....

8. Loại hình doanh nghiệp:

Cơ sở sản xuất ban đầu

Cơ sở thu gom

Cơ sở sơ chế

Cơ sở chế biến

Kho thường

Kho lạnh

Đề nghị Cục Bảo vệ thực vật cấp / xác nhận tài khoản trên Hệ thống đăng ký trực tuyến của GACC.

Hồ sơ gửi kèm:

-

-

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02

DECLARATION OF THE MANUFACTURER

Attention to: General Administration of China Customs (GACC)

We hereby declare that the information and related materials submitted by this manufacturer are true and complete, and can meet the relevant regulations of China and Vietnam and the *Regulations of the People's Republic of China on the Registration and Administration of Overseas Manufacturers of Imported Food*.

Name of the manufacturer:

Name of the legal representative:

Position:

Signature and seal of the legal representative

Date:

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2021

Số: 1591 /QLCL-CL1
V/v đăng ký doanh nghiệp xuất khẩu
thủy sản sang Trung Quốc theo Lệnh
248 và 249

Kính gửi:

- Các cơ sở sản xuất, xuất khẩu thủy sản sang Trung Quốc;
- Hiệp hội Chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP);
- Chi cục Quản lý chất lượng NLS&TS Trung bộ, Nam bộ;
- Các Trung tâm Chất lượng NLTS vùng 1 - 6.

Sau khi Tổng cục Hải quan Trung Quốc ban hành quy định về quản lý đăng ký doanh nghiệp sản xuất thực phẩm của nước ngoài xuất khẩu vào Trung Quốc (Lệnh số 248) và quy định kiểm soát an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu (Lệnh số 249), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng SPS Việt Nam và các Cục chuyên ngành đã có nhiều văn bản, hội nghị, hội thảo phổ biến, hướng dẫn triển khai các quy định này.

Trên cơ sở nội dung tại công hàm số 353.2021 ngày 27/9/2021 của Tổng cục Hải quan Trung Quốc hướng dẫn thực hiện Lệnh 248 và các nội dung trao đổi với phía Bạn; tiếp theo Hội nghị trực tuyến ngày 22/9/2021 phổ biến các quy định mới của Trung Quốc, Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản đã tổng hợp các nội dung liên quan đến việc đăng ký danh sách doanh nghiệp và yêu cầu về kiểm soát ATTP lô hàng thủy sản xuất khẩu sang Trung Quốc tại **Phụ lục 1** gửi kèm công văn này. Cục thông báo và đề nghị các đơn vị như sau:

1. Các cơ sở chưa có tên trong danh sách xuất khẩu vào Trung Quốc, có nhu cầu đăng ký xuất khẩu thủy sản sang Trung Quốc:

Nghiên cứu kỹ quy định, hướng dẫn có liên quan (chi tiết đăng tải tại website của Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, địa chỉ: http://www.naftiqad.gov.vn/quy-dinh-cua-trung-quoc-cap-nhat-lenh-248-249-thay-the-lenh-145-ve-dang-ky-cong-nhan-va-quan-ly-co-so-san-xuat-che-bien-dong-goi-van-chuyen-thuc-pham-nuoc-ngoai_t221c313n334) và thực hiện đăng ký theo hướng dẫn tại Phụ lục 1 kèm theo.

2. Các cơ sở đang có tên trong danh sách xuất khẩu vào Trung Quốc:

Nghiên cứu kỹ quy định, hướng dẫn có liên quan (chi tiết đăng tải tại website của Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, địa chỉ: http://www.naftiqad.gov.vn/quy-dinh-cua-trung-quoc-cap-nhat-lenh-248-249-thay-the-lenh-145-ve-dang-ky-cong-nhan-va-quan-ly-co-so-san-xuat-che-bien-dong-goi-van-chuyen-thuc-pham-nuoc-ngoai_t221c313n334); chủ động trao đổi với nhà nhập khẩu Trung Quốc để tuân thủ đúng các quy định này trong quá trình sản xuất, xuất khẩu thủy sản vào Trung Quốc.

3. Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP):

Đề nghị Hiệp hội thông báo các quy định, hướng dẫn có liên quan đến các doanh nghiệp hội viên để thực hiện quy định của Tổng cục Hải quan Trung Quốc, tránh vướng mắc trong xuất khẩu thủy sản sang thị trường này.

4. Chi cục Quản lý chất lượng NLS&TS Trung bộ/Nam bộ:

- Tiếp nhận, rà soát, tổng hợp hồ sơ đăng ký của các cơ sở sản xuất thủy sản đăng ký xuất khẩu vào Trung Quốc trên địa bàn theo quy định.

- Gửi Cục báo cáo kết quả rà soát kèm theo danh sách tổng hợp các cơ sở đăng ký đạt yêu cầu (theo mẫu tại **Phụ lục 2** gửi kèm); cập nhật hồ sơ đã rà soát của từng doanh nghiệp vào thư mục ‘*Đăng ký xuất khẩu vào Trung Quốc*’ (thuộc thư mục ‘*Quản lý điều kiện đảm bảo ATTP cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản*’) trên hệ thống cơ sở dữ liệu Onedrive của Cục.

5. Các Trung tâm chất lượng nông lâm thủy sản vùng 1-6:

Phổ biến nội dung văn bản này tới các cơ sở sản xuất, xuất khẩu thủy sản vào Trung Quốc trên địa bàn.

Đề nghị các đơn vị lưu ý thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Trần Thanh Nam (để báo cáo);
- Cục trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng SPS Việt Nam;
- Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, thành phố;
- Chi cục Quản lý Chất lượng NLS&TS các tỉnh, thành phố;
- Ban Quản lý ATTP Tp. HCM, Đà Nẵng, Bắc Ninh;
- Lưu: VT, CL1.



Phụ lục 1:
MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ KIỂM SOÁT ATTP THỦY SẢN NHẬP KHẨU VÀ ĐĂNG KÝ
DOANH NGHIỆP NƯỚC NGOÀI XUẤT KHẨU THỦY SẢN SANG TRUNG QUỐC
(Kèm theo công văn số /QLCL-CL1 ngày /11/2021 của Cục Quản lý CL NLS&TS)

1. Một số nội dung quy định mới của Lệnh 248, 249

STT	Nội dung	Quy định hiện hành	Quy định tại Lệnh 248, 249 và công hàm số 353.2021 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2022)
1	Phạm vi áp dụng	Các doanh nghiệp sản xuất các loại thực phẩm thuộc “Danh mục cần đăng ký” (trong đó bao gồm sản phẩm thủy sản) phải thực hiện đăng ký với Tổng cục Hải quan Trung Quốc.	- Toàn bộ các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm xuất khẩu vào Trung Quốc phải thực hiện đăng ký với Tổng cục Hải quan Trung Quốc từ sau ngày 01/01/2022. - Phân loại doanh nghiệp theo mức độ rủi ro: + Nhóm 1: gồm các doanh nghiệp sản xuất 18 loại thực phẩm xuất khẩu (bao gồm sản phẩm thủy sản) do Cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu đề nghị đăng ký với Tổng cục Hải quan Trung Quốc. + Nhóm 2: các doanh nghiệp sản xuất các loại thực phẩm không nằm trong 18 loại thực phẩm nêu trên tự nộp hồ sơ đăng ký hoặc ủy thác đơn vị trung gian thực hiện đăng ký với Tổng cục Hải quan Trung Quốc.
2	Công nhận danh sách doanh nghiệp đăng ký	Thực hiện theo Thỏa thuận hợp tác về kiểm soát ATTP thủy sản xuất nhập khẩu ký kết giữa hai bên năm 2014, các cơ sở đã được Cục thẩm định, chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm ATTP theo quy định của Việt Nam và Trung Quốc được Cục đề nghị Tổng cục Hải quan Trung Quốc phê duyệt, cập nhật theo biểu mẫu thống nhất chung.	- Đối với các cơ sở đã có tên trong danh sách được phép xuất khẩu thủy sản sang Trung Quốc: tiếp tục được phép xuất khẩu thủy sản vào Trung Quốc trong thời gian tới (kể cả sau ngày 01/01/2022). - Các cơ sở đăng ký bổ sung vào danh sách, cập nhật thông tin, gia hạn đăng ký kể từ sau ngày 01/01/2022: thực hiện đăng ký theo Lệnh 248
3	Hiệu lực đăng ký	Không quy định	- Có hiệu lực trong vòng 05 năm - Trong thời hạn từ 3 đến 6 tháng trước khi hết hiệu lực đăng ký, doanh nghiệp cần gửi đăng ký cho Tổng cục Hải quan Trung Quốc; - Các trường hợp Tổng cục Hải quan Trung Quốc hủy đăng ký được quy định tại Điều 21, 24 của Lệnh 248.
4	Yêu cầu về ghi nhãn	Bao bì phải rõ ràng, dễ đọc, được thể hiện bằng tiếng Trung và tiếng Anh các nội dung dưới đây: - Tên thương mại và tên khoa học, mô tả, ngày sản xuất, mã số lô và điều kiện bảo quản - Phương pháp sản xuất (đánh bắt, nuôi trồng) - Khu vực sản xuất (vùng/quốc gia đánh bắt, nuôi)	Bao bì bên trong và bên ngoài phải có gắn nhãn chắc chắn, rõ ràng, dễ đọc; thông tin thể hiện bằng tiếng Trung/tiếng Anh hoặc tiếng Trung/tiếng Việt như sau: - Tên hàng hóa và tên khoa học - Quy cách sản phẩm - Ngày sản xuất, số lô, hạn sử dụng và điều kiện bảo quản. - Phương thức sản xuất (đánh bắt, nuôi trồng)

	<ul style="list-style-type: none"> - Tên và mã số đăng ký của các cơ sở sản xuất, chế biến (bao gồm tàu cá) - Điểm đến phải ghi là Cộng hòa nhân dân Trung Hoa 	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực sản xuất (vùng/quốc gia nuôi/đánh bắt) - Tên, số đăng ký, địa chỉ của tất cả các doanh nghiệp sản xuất, chế biến có liên quan (bao gồm tàu cá, tàu chế biến, tàu vận chuyển, kho lạnh độc lập) - Điểm đến phải ghi là Cộng hòa nhân dân Trung Hoa
--	--	---

2. Thủ tục đăng ký xuất khẩu vào Trung Quốc:

2.1. Đăng ký xuất khẩu vào Trung Quốc từ nay đến 31/12/2021: trình tự, thủ tục đăng ký tiếp tục thực hiện theo quy định hiện hành.

2.2. Đăng ký xuất khẩu vào Trung Quốc từ sau ngày 01/01/2022:

2.2.1. Đối với doanh nghiệp đăng ký bổ sung vào danh sách:

a) Thành phần hồ sơ

- Hồ sơ do Cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu (Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản) thực hiện đăng ký với Tổng cục Hải quan Trung Quốc: theo quy định tại Điều 8, Lệnh 248

- Hồ sơ doanh nghiệp nộp cho Cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu: do hiện nay Cơ quan thẩm quyền Trung Quốc chưa quy định cụ thể mẫu các thành phần hồ sơ nên trước mắt, để kịp thời đáp ứng yêu cầu của phía Trung Quốc, căn cứ yêu cầu tại Lệnh 248, Cục tạm thời hướng dẫn các doanh nghiệp gửi hồ sơ theo mẫu gửi kèm.

b) Cách thức tiếp nhận hồ sơ: các doanh nghiệp gửi hồ sơ đăng ký qua e-mail theo địa chỉ: nafi@mard.gov.vn (Cục tại Hà Nội); cctb.nafi@mard.gov.vn (Chi cục Trung bộ); ccnb.nafi@mard.gov.vn (Chi cục Nam bộ).

2.2.2. Đối với doanh nghiệp sửa đổi thông tin trong danh sách, gia hạn đăng ký: Phía Trung Quốc chưa có hướng dẫn cụ thể, Cục đang trao đổi với phía Bạn và sẽ có văn bản thông báo sau.

3. Trình tự, thủ tục thẩm định, chứng nhận lô hàng thủy sản xuất khẩu vào Trung Quốc

Thực hiện theo Thông tư 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 của Bộ NN&PTNT và các Thông tư sửa đổi (Thông tư số 02/2017/TT-BNNPTNT ngày 13/2/2017 và Thông tư số 16/2018/TT-BNNPTNT ngày 29/10/2018) và các văn bản thông báo, hướng dẫn của Cục, trong đó cần lưu ý:

3.1 Điều kiện bảo đảm ATTP của cơ sở sản xuất:

- Đáp ứng các quy định nêu tại các Quy chuẩn Việt Nam về điều kiện bảo đảm vệ sinh ATTP đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thủy sản.

- Đáp ứng các quy định của Trung Quốc tại:

+ GB 14881 (Quy phạm vệ sinh chung trong sản xuất thực phẩm);

+ GB 20941 (Quy phạm vệ sinh sản xuất chế phẩm thủy sản);

+ GB 5749 (Tiêu chuẩn vệ sinh cho nước uống sinh hoạt);

+ GB/T 27341 ("Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát quan trọng (HACCP) Yêu cầu chung đối với các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm")

3.2 Chỉ tiêu, mức giới hạn ATTP đối với lô hàng thủy sản xuất khẩu

Danh mục chỉ tiêu, mức giới hạn đối với lô hàng xuất khẩu được quy định tại Quyết định 2864/QĐ-BNN-QLCL ngày 24/11/2011 và 1471/QĐ-BNN-QLCL ngày 20/6/2012 và được Cục cập nhật, bổ sung theo yêu cầu của Cơ quan thẩm quyền Trung Quốc dựa trên các tiêu chuẩn, quy định của Trung Quốc sau đây:

- + GB 2762 (Giới hạn ô nhiễm tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia trong thực phẩm);
- + GB 2763 (Tiêu chuẩn an toàn lương thực quốc gia giới hạn dư lượng tối đa cho thuốc trừ sâu trong thực phẩm);
- + GB 14882 (Tiêu chuẩn giới hạn nồng độ các chất phóng xạ trong thực phẩm);
- + GB 2761 (Tiêu chuẩn quốc gia về an toàn thực phẩm - Giới hạn của Mycotoxin trong thực phẩm);
- + GB 2760 (Tiêu chuẩn sử dụng phụ gia thực phẩm an toàn thực phẩm quốc gia);
- + GB 10136 (Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia sản phẩm động vật thủy sản);
- + GB 2733 (Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia Sản phẩm thủy sản tươi và đông lạnh);
- + GB 29921 (Giới hạn về vi sinh vật trong thực phẩm);
- + GB 31650 (Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia về mức dư lượng tối đa đối với thuốc thú y trong thực phẩm);
- + GB 14939 (Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia sản phẩm đóng hộp);
- + Thông báo số 193 của Bộ Nông nghiệp Trung Quốc về Danh mục thuốc thú y cấm sử dụng cho động vật dùng làm thực phẩm.

4. Kiểm soát thực phẩm thủy sản nhập khẩu của Cơ quan thẩm quyền Trung Quốc:

- Kiểm tra tại chỗ đối với thực phẩm nhập khẩu (phương tiện vận chuyển và nơi bảo quản, số container, số niêm phong, nội dung ghi nhãn trên bao bì bên trong và bên ngoài, tình trạng thực tế của lô hàng có phù hợp với thông tin khai báo và chứng từ kèm theo hay không, đặc tính cảm quan của sản phẩm, độ tươi của thực phẩm, nhiệt độ sản phẩm); tỉ lệ và chỉ tiêu lấy mẫu cụ thể do Cơ quan hải quan Trung Quốc lập kế hoạch giám sát đối với từng đối tượng cụ thể của từng quốc gia dựa trên đánh giá nguy cơ.

- Trường hợp phát hiện thực phẩm nhập khẩu không đáp ứng quy định trong quá trình giám sát và quản lý nhập khẩu, Tổng cục Hải quan Trung Quốc sẽ dựa trên đánh giá nguy cơ để thực hiện các biện pháp kiểm soát như tăng tỷ lệ giám sát, kiểm tra ngẫu nhiên đối với thực phẩm liên quan.

- Các trường hợp Tổng cục Hải quan Trung Quốc đình chỉ hoặc cấm nhập khẩu dựa trên đánh giá nguy cơ được quy định tại Điều 35 Lệnh 249.

- Khi rủi ro về an toàn của thực phẩm nhập khẩu đã giảm xuống mức có thể kiểm soát được, Tổng cục Hải quan và Hải quan có thẩm quyền trực thuộc có thể áp dụng các biện pháp dỡ bỏ kiểm soát tương ứng được quy định tại Điều 36 Lệnh 249.

III. Danh sách cơ sở đề nghị đưa ra khỏi danh sách:

N^o	Approval Number	Name	Adress	City/ County	Province/ City	Type	Products for approval	Processing methods	Processing capacity (ton/one year)	Amout of exports to China last year (ton)	Remark
1											
2											

Remark:

- A: Aquaculture
- BMS: Bivalve molluscan shellfish
- PP: Processing Plant

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **1 1 7 9/BCT-KHCN**

Hà Nội, ngày **09** tháng **03** năm **2022**

V/v hướng dẫn doanh nghiệp sản xuất thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP của Bộ Công Thương thực hiện đăng ký xuất khẩu vào Trung Quốc

Kính gửi:

- Sở Công Thương các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;
- Ban Quản lý an toàn thực phẩm: Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Bắc Ninh.

Từ năm 2022, theo quy định của Tổng cục Hải quan Trung Quốc (GACC), việc đăng ký doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu vào Trung Quốc được thực hiện trực tuyến trên website của Tổng cục Hải quan Trung Quốc (<https://cifcr.singlewindow.cn>). Theo đó, doanh nghiệp xuất khẩu các sản phẩm thực phẩm¹: chất béo và dầu thực vật; sản phẩm bột ngũ cốc và mạch nha chế biến; các loại bánh có nhân phải đăng ký mở tài khoản và có thể bắt đầu thực hiện đăng ký sản phẩm mong muốn xuất khẩu vào Trung Quốc sau khi tài khoản được lập tại website trên.

Để có cơ sở công bố, xác nhận sự đáp ứng của doanh nghiệp xuất khẩu với quy định an toàn thực phẩm của Trung Quốc và Việt Nam (Phụ lục 1), Bộ Công Thương đề nghị Sở Công Thương/Ban Quản lý an toàn thực phẩm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn doanh nghiệp xuất khẩu thực phẩm trên địa bàn gửi văn bản đề nghị kèm theo Bản thuyết minh (Phụ lục 2) về Bộ Công Thương (Vụ Khoa học và Công nghệ²).

Trong thời gian 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, Bộ Công Thương sẽ rà soát thông tin, công bố với Tổng cục Hải quan Trung Quốc về sự đáp ứng của doanh nghiệp đối với quy định an toàn thực phẩm của Trung Quốc và Việt Nam. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Công Thương tiến hành kiểm tra việc chấp hành quy định an toàn thực phẩm³, lấy mẫu kiểm nghiệm sản phẩm trong quá trình sản xuất thực phẩm xuất khẩu. Doanh nghiệp trực tiếp theo dõi quá trình đăng ký và nhận phản hồi của Bộ Công Thương và Tổng cục Hải quan Trung Quốc trên website.

¹ Tra cứu theo mã HS tại tỉnh năng "Product type query" để biết về phân loại hồ sơ đối với mặt hàng dự kiến đăng ký xuất khẩu. Đối với sản phẩm được phân loại "Yes" đối với yêu cầu "Official recommendation", hồ sơ sẽ cần phải đăng ký thông qua Bộ Công Thương

² Thông tin chi tiết liên hệ: Ông Nguyễn Mạnh Thắng-Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương (Điện thoại: 02422.202.412; email: thangnm@moit.gov.vn).

³ Luật an toàn thực phẩm Việt Nam và các văn bản hướng dẫn; Appendix5-2-1; Appendix5-2-2; Appendix5-2-4.

Bộ Công Thương thông báo đề Sở Công Thương/Ban Quản lý an toàn thực phẩm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương biết, hướng dẫn doanh nghiệp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TT. Nguyễn Sinh Nhật Tân (để báo cáo);
- Các đơn vị: XNK; AP;
- Lưu: VT, KHCN, thanganm.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Nguyễn Việt Tân

(Kèm theo Công văn số: 1 1 7 9 /BCT-KHCN ngày 09 tháng 03 năm 2022)

Declaration of Conformity of _____ (Exporting Country or Regional Authority) to Recommend Manufacturers to Register in China

General Administration of Customs of the People's Republic of China (GACC):

_____ (name of exporting country or regional authority) hereby recommends _____ (product category) manufacturing enterprise(s) to register in China and provides relevant materials.

It is hereby declared that the information of the recommended manufacturer(s) is true and complete, and can meet the relevant regulations of China and _____ (name of exporting country or region) and the *Regulations of the People's Republic of China on the Registration and Administration of Overseas Manufacturers of Imported Food*. Please register them.

Thanks for your cooperation.

_____ (name of exporting country or regional authority)

Seal:

Date:

(Kèm theo Công văn số: 1179 /BCT-KHCN ngày 09 tháng 05 năm 2022)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM/
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom – Happiness**

....., ngày..... tháng.... năm..../Date

BẢN THUYẾT MINH

Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất thực phẩm
Document of compliance with food safety regulations

(Điền bằng tiếng Việt và tiếng Anh)

I- THÔNG TIN CHUNG/General information

1. Tên cơ sở sản xuất/*Name of manufacturer* (Tiếng Việt và Tiếng Anh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp):
.....

2. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập/*Business registration certificate or establishment decision*:
.....

Mã số doanh nghiệp/*Registration number*:

Số đăng ký doanh nghiệp (Mã số thuế):.....

4. Địa chỉ nơi đặt trụ sở/*Address of head office*:
.....

5. Địa chỉ cơ sở sản xuất/*Address of production place*:
.....

6. Năm bắt đầu hoạt động/*Time to start operating (year)*:

7. Công suất thiết kế/*Design capacity*:

8. Sản lượng sản xuất (thống kê 3 năm trở lại đây)/*Production output (last 3 years statistics)*:

9. Thị trường tiêu thụ chính/*Main consumer market*:

10. Loại hàng hóa dự định đăng ký xuất khẩu và mã HS tương ứng:.....

11. Đính kèm bản sao (có xác nhận của doanh nghiệp) Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc một trong các loại giấy chứng nhận theo Điểm k, Điều 12 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm tương ứng với loại sản phẩm mong muốn đăng ký.

II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM/ *PRODUCT DESCRIPTION*

TT	Tên sản phẩm <i>/Name of product</i>	Nguyên liệu/Input materials		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì/ <i>Packing method and information on the package</i>
		Nguyên liệu (Material name)	Nguồn gốc xuất xứ (Origin)	

III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ *SUMMARY OF CURRENT CONDITION OF PRODUCTION FACILITIES*

1. Nhà xưởng, trang thiết bị/ *Factory, equipment*

- Tổng diện tích các khu vực sản xuất/ *Total area of production*m²,
trong đó/in which:

+ Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/ *Material receiving area*:m²

+ Khu vực sản xuất/ *Production area*:m²

+ Khu vực đóng gói thành phẩm/ *Finished product packing area*:m²

+ Khu vực bảo quản thành phẩm/ *Finished product storage area*:m²

+ Khu vực sản xuất khác/ *Other production areas*:m²

- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất/ *Layout plan of production site*:

2. Trang thiết bị chính/ *Main equipment*

Tên thiết bị/ <i>Name of equipment</i>	Số lượng/ <i>Quantity</i>	Nước sản xuất/ <i>The origin</i>	Tổng công suất/ <i>Total capacity</i>	Năm bắt đầu sử dụng/ <i>Year started using</i>

3. Hệ thống phụ trợ/ *Auxiliary system*

- Nguồn nước đang sử dụng/ *Water source in use*

Nước máy công cộng/ *Public tap water*

Nước giếng khoan/ *Well water*

Hệ thống xử lý/ *Treatment system*: Có/ *Yes* Không/ *No*

Phương pháp xử lý/ *Treatment method*:

.....

- Nguồn nước đá sử dụng (nếu có)/ *Source of ice used (if any)*

Tự sản xuất/ *Self-produced* Mua ngoài/ *Purchased*

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đá/ *Method of controlling ice*

quality:

.....
.....

4. Hệ thống xử lý chất thải/ *Waste treatment system*

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý/*Method of collection, transportation and treatment:*

.....
.....

5. Người sản xuất/*Manpower*

- Tổng số/*Total:*người/*person(s)*, trong đó/*in which*

+ Lao động trực tiếp/*Direct labor:*người/*person(s)*.

+ Lao động gián tiếp/*Indirect labor:*người/*person(s)*.

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được kiểm tra sức khỏe theo quy định/*Number of people (owners of establishments, people directly engaged in production and business) who are checked for health according to regulations:*

.....

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP/*Number of people (owners of establishments, people directly engaged in production and business) who are granted certificates of knowledge about food safety:*

.....

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được miễn cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP/*Number of people (owners of establishments, people directly engaged in production and business) exempted from issuance of certificates of food safety knowledge:*

.....

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị/*Cleaning factory, equipment*

- Tần suất làm vệ sinh/*Cleaning frequency:*

- Nhân công làm vệ sinh/*Cleaning workers:*người/*person(s)*; trong đó/*in which:*

Nhân công của cơ sở/*Employees of the establishment:*

Nhân công thuê ngoài/*Outsourced workers:*

7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/ chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng/*List of chemicals, additives / supplements, detergents-disinfectants used:*

Tên hóa chất/ <i>Product name</i>	Thành phần chính/ <i>Main ingredient</i>	Nguồn sản xuất/ <i>The origin</i>	Mục đích sử dụng/ <i>Purpose of use</i>	Nồng độ/ <i>Concentration</i>
-----------------------------------	--	-----------------------------------	---	-------------------------------

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,...)/ *Quality management system being applied (HACCP, ISO,...):*

9. Phòng kiểm nghiệm/*Testing Laboratory*

- Cửa cơ sở/*Establishment's Lab*

Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích/*The criteria can be analyzed:*

.....

- Thuê ngoài/*Outsourced Lab*

Tên những Phòng thử nghiệm gửi phân tích/*Name of Lab*:

10. Kiểm soát dịch hại/ *Pest control*

- Phân tích, xác định mối nguy dịch hại trong quá trình sản xuất và lưu giữ, hoặc ủy thác cho các tổ chức chuyên môn thực hiện/ *Identification of possible harmful organisms in the process of production and storage, or entrustment of professional institutions to carry out this work*

- Các biện pháp trong quá trình sản xuất và bảo quản để sản phẩm không bị nhiễm dịch hại, theo dõi kiểm dịch dịch hại/ *Measures during production and storage to prevent products from being infected by pests, monitor quarantine pests*

11. Doanh nghiệp sẵn có và cam kết tuân thủ các yêu cầu về an toàn thực phẩm của Trung Quốc/ *Availability and commitment to comply with China's food safety requirements*

Tên tiêu chuẩn/ <i>Name of standard</i>	
1. Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia Sản xuất Thực phẩm Quy tắc Vệ sinh Chung (GB14881-2013). <i>National Food Safety Standard Food Production General Hygiene Code (GB14881-2013)</i>	Có/Yes <input type="checkbox"/> Không/No <input type="checkbox"/>
2. Tiêu chuẩn Quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Tiêu chuẩn Vệ sinh Nước uống (GB5749-2006). <i>National Standard of the People's Republic of China: Sanitation Standard for Drinking Water" (GB5749-2006).</i>	Có/Yes <input type="checkbox"/> Không/No <input type="checkbox"/> Không cần/ NA <input type="checkbox"/>
3. Giới hạn tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của vi khuẩn gây bệnh trong thực phẩm (GB29921-2013) Bảng 1 <i>National Food Safety Standard Limits of Pathogenic Bacteria in Foods (GB29921-2013) Table 1</i>	Có/Yes <input type="checkbox"/> Không/No <input type="checkbox"/>
4. Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia về Sử dụng Phụ gia Thực phẩm (GB2760-2014). <i>National Food Safety Standard for Use of Food Additives (GB2760-2014).</i>	Có/Yes <input type="checkbox"/> Không/No <input type="checkbox"/> Không cần/ NA <input type="checkbox"/>
5. Giới hạn tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của độc tố nấm mốc trong thực phẩm (GB 2761-2017). <i>National Food Safety Standard Limits of Mycotoxins in Foods (GB 2761-2017).</i>	Có/Yes <input type="checkbox"/> Không/No <input type="checkbox"/>
6. Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia Giới hạn của Chất gây ô nhiễm trong Thực phẩm (GB2762-2017) <i>National Food Safety Standard Limits of Contaminants in Food (GB2762-2017)</i>	Có/Yes <input type="checkbox"/> Không/No <input type="checkbox"/>
7. Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia về Giới hạn Dư lượng Tối đa của Thuốc trừ sâu trong Thực phẩm (GB 2763-2021). <i>National Food Safety Standard for Maximum Residue Limits of Pesticides in Foods (GB 2763-2021).</i>	Có/Yes <input type="checkbox"/> Không/No <input type="checkbox"/>
8. Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP) Yêu cầu chung đối với doanh nghiệp sản xuất	Có/Yes <input type="checkbox"/> Không/No <input type="checkbox"/>

thực phẩm" (GB / T 27341-2009) <i>Hazard Analysis and Critical Control Points (HACCP) System General Requirements for Food Production Enterprises" (GB/T 27341-2009)</i>	
9. Tiêu chuẩn quy định cho từng nhóm thực phẩm/nông sản đăng ký xuất khẩu/ Standards specified for each group of food/agricultural products registered for export. (Liệt kê/List)	Có/Yes <input type="checkbox"/> Không/No <input type="checkbox"/> Không có/ NA <input type="checkbox"/>

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật/*We undertake that the above information is true.*

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ/ REPRESENTATIVE OF FACILITIES
(Ký tên, đóng dấu/Signature and seal)